

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 18/2025/DS-GĐT

Ngày 28-4-2025

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có 11* (mười một) thành viên tham gia xét xử, do ông Trần Quốc Cường - Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng làm Chủ tọa phiên tòa.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Trịnh Thị Hằng -Thẩm tra viên chính.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Trần Việt Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28-4-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: xóm C, thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Văn M; địa chỉ: số A, đường T, tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

2.2. Chị Nguyễn Thị Thanh H1; địa chỉ: đội A, thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

2.3. Cụ Nguyễn Thị Đ; địa chỉ: đội A, thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

3.2. Chị Nguyễn Thị H2; địa chỉ: thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

3.3. Chị Nguyễn Thị Kim N; địa chỉ: tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

3.4. Chị Nguyễn Thị Hoài G; địa chỉ: xóm C, thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

3.5. Ông Nguyễn Văn G1; địa chỉ: ngõ G, số A, đường L, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

3.6. Ông Nguyễn Văn D; địa chỉ: K đường N, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

3.7. Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

3.8. Bà Nguyễn Thị L1; địa chỉ: đường T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Chồng Bà là ông Nguyễn Văn D1 nguyên là Huyện Đội trưởng huyện L, tỉnh Quảng Bình. Năm 1998 vợ chồng Bà được Ủy ban nhân dân huyện L giao đất màu để làm nhà ở theo Quyết định giao đất số 89QĐ/UB ngày 16-01-1998 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình với diện tích 117m², thửa số 210, tờ bản đồ 18 tại thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Sau khi được cấp đất, ông D1 đã thực hiện việc nộp thuế đất theo quy định. Sau đó, ông D1 chuyển về công tác tại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Q và chết năm 1998. Bà không biết khi được cấp đất, ông D1 đã làm các thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa, vì Bà nghĩ việc đó là của chồng Bà. Từ khi ông D1 qua đời, bản thân Bà cũng thường xuyên đau ốm và phải một mình nuôi dạy con, chăm sóc mẹ chồng nên Bà chưa có điều kiện kinh tế để làm nhà ở trên thửa đất nêu trên. Nay con Bà đã lớn và ra ở riêng nên Bà có nhu cầu làm nhà trên đất để ở thì Bà mới biết ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị T lấn chiếm làm nhà, quán. Năm 2008 ông D1 chết, em ruột ông D1 là ông Nguyễn Văn M quản lý, sử dụng và cho người khác thuê. Nay Bà yêu cầu bị đơn phải trả lại cho Bà thửa đất nêu trên.

- Bị đơn, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thanh H1, bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Thửa đất số 210, tờ bản đồ 18, diện tích 117m² tọa lạc tại thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình nêu trên đã được Ủy ban nhân dân xã L cấp cho ông Nguyễn Văn D1 năm 1998. Sau khi được cấp đất, ông D1 đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ

đối với Nhà nước và xây nhà, quán ở ổn định từ đó cho đến nay. Nay bà H yêu cầu trả lại thửa đất nêu trên, các bị đơn không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị Kim N, chị Nguyễn Thị Hoài G (con ruột ông D1), ông Nguyễn Văn G1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1 (em ruột ông D1) thống nhất với nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T (vợ đã ly hôn của ông D1) thống nhất với nội dung trình bày của ông M.

Vụ án đã được xét xử sơ thẩm, phúc thẩm như sau:

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2010/DS-ST ngày 23-8-2010, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy quyết định:

Tuyên bố lô đất có diện tích 117m² thuộc thửa đất số 210, tờ bản đồ 18 tại thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình có vị trí, kích thước:

Phía Bắc giáp đường phân lô vào xóm có số đo 5,5m;

Phía Nam giáp hành lang 203 đường A có số đo 6,5m;

Phía Đông giáp đất ven Hói Đông T1 - X có số đo 18m;

Phía Tây giáp thửa đất 230 của ông Mai Văn H3 (hiện ông Nguyễn Ngọc B đang sử dụng) có số đo 18m theo Quyết định (về việc giao đất làm nhà ở) số 89-QĐ/UB ngày 16-01-1998 của UBND huyện L là tài sản thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Văn D1 và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn M phải trả lại cho bà H lô đất có diện tích 117m², thửa số 210, tờ bản đồ 18 tại thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình có vị trí, kích thước nói trên theo Quyết định số 89-QĐ/UB ngày 16-01-1998 của UBND huyện L đồng thời phải tháo dỡ, di dời phần quán lấn sang lô đất của bà H chiếm diện tích 1,3m² có vị trí, kích thước:

Phía Bắc giáp đường phân lô vào xóm có số đo 5,5m;

Phía Nam giáp hành lang 203 đường A có số đo 6,5m;

Phía Đông giáp đất ven Hói Đông T1 – X có số đo 18m;

Phía Tây giáp thửa đất 230 của ông Mai Văn H3 (hiện ông Nguyễn Ngọc B đang sử dụng) có số đo 0,2m (để trả lại cho bà H đủ diện tích 117m²).

Ông Nguyễn Văn M phải chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H đối với lô đất nêu trên.

Không chấp nhận yêu cầu, đề nghị giải quyết quyền lợi về đất cũng như tài sản trên lô đất của cháu Nguyễn Thị Thanh H1 và chị Nguyễn Thị T (mẹ cháu H1) vì không có cơ sở.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30-8-2010, ông Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

* Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2011/DS-PT ngày 14-9-2011, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2010/DS-ST ngày 23-8-2010 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy. Giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 11-9-2023, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy quyết định:

1. *Không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đòi lại diện tích diện tích 117m², thửa số 210, tờ bản đồ 18 tại thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình.*

2. *Công nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 210, tờ bản đồ 18 tại thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Đ1 (chết năm 2008) là bà Nguyễn Thị Đ (mẹ ruột ông Đ1) và chị Nguyễn Thị Thanh H1 (con ruột ông Đ1).*

Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Đ1 gồm bà Nguyễn Thị Đ (mẹ ruột ông Đ1) và chị Nguyễn Thị Thanh H1 (con ruột ông Đ1) có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai tại địa phương để tiến hành các thủ tục đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được Tòa án công nhận theo quy định của pháp luật đất đai.

3. *Kiến nghị UBND huyện L, tỉnh Quảng Bình thu hồi Quyết định số 89-QĐ-UB ngày 16-01-1998.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2023/QĐSĐBSBA ngày 10-10-2023, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy quyết định:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 11/2023/DS-ST ngày 11-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình như sau:

Tại dòng thứ 22 từ trên về, trang 8 của bản án đã ghi: “...ngày 16/01/1998 có thu tiền cấp quyền sử dụng đất số tiền 397.8000 đồng...” và tại dòng thứ 5 từ dưới lên trang 10 của bản án đã ghi: “Bản án số 24/2007/DSST ngày 27/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “...ngày 16-01-1998 có thu tiền cấp quyền sử dụng đất số tiền 397.800 đồng...” và “Bản án số 24/2007/DS-ST ngày 27-12-2007 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình”.

Ngày 08-9-2023 và ngày 24-9-2023, bà H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

* Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2024/DS-PT ngày 04/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 11-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1.1. Tuyên bố thửa đất có diện tích 117m² thuộc thửa số 210, tờ bản đồ 18 tại thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình (có kích thước, vị trí theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 09-5-2023 kèm theo) là tài sản thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị H theo Quyết định giao đất số 89QĐ/UB ngày 16-01-1998 của UBND huyện L, tỉnh Quảng Bình.

1.2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn M trả lại cho bà Nguyễn Thị H diện tích 117m² thuộc thửa số 210, tờ bản đồ 18 tại thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

1.3. Bà Nguyễn Thị H có quyền liên hệ với cơ quan chuyên môn để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Ông Nguyễn Văn M và các đồng thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn Đ1 (bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Thanh H1) phải chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất nói trên.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ1 (bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Thanh H1) giá trị các tài sản, công trình, kiến trúc trên diện tích 117m² thuộc thửa số 210, tờ bản đồ 18 tại thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, số tiền 79.181.910 đồng. Nguyên đơn có quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt toàn bộ tài sản trên đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 08-10-2024, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình có văn bản kiến nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 23-12-2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2024/DS-PT ngày 04-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ bản án phúc thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm nêu trên.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2024/DS-PT ngày 04-3-2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định thừa đất số 210, tờ bản đồ 18, diện tích 117m² tại thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình là tài sản thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn D1 và bà Nguyễn Thị H theo Quyết định giao đất số 89QĐ/UB ngày 16-01-1998 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình.

[2] Tại Biên bản về việc xác minh điều kiện thi hành án ngày 19-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thì thừa đất số 210, tờ bản đồ số 18 tại thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình được thể hiện tại Bản đồ địa chính xã L, huyện L được Sở địa chính tỉnh Quảng Bình phê duyệt ngày 17-10-2002 có diện tích 259,0m². Đến năm 2013, Ủy ban nhân dân xã L thực hiện dự án hoàn thành cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính nên thừa đất số 210, tờ bản đồ số 18, diện tích 259,0m² được đổi thành thừa đất số 302, tờ bản đồ số 11, diện tích 118,2m² được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt ngày 20-7-2014.

[3] Công Văn số 340/CV-CNVPĐK ngày 15-7-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Quảng Bình, thể hiện: tại tờ bản đồ địa chính số 18 được Xí nghiệp Trắc địa bản đồ 203 đo vẽ tháng 5-2002 được Sở Địa chính Quảng Bình phê duyệt ngày 17-10-2002 có thừa đất số 210, diện tích 259,0m². Tại bản đồ địa chính số 11 được Công ty TNHH D2 Kiên đo vẽ tháng 3-2014 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt ngày 20-7-2014 có thừa đất số 302, diện tích 118,2m².

Về mặt vị trí: thừa đất số 210, tờ bản đồ 18, diện tích 259,0m² thể hiện: phía Bắc giáp kênh Xuân Hối; phía Nam giáp thừa đất số 230, tờ bản đồ 18; phía Tây giáp đường xóm; phía Đông giáp đường Tỉnh lộ 16 (nay là đường Q). Thừa đất số

302, tờ bản đồ 11, diện tích 118.2m² thể hiện: phía Bắc giáp kênh X; phía Nam giáp thửa 334, tờ bản đồ 11; phía Tây giáp đường xóm; phía Đông giáp đường Q.

Về mặt ranh giới: chồng ghép bản đồ địa chính năm 2002 và bản đồ địa chính năm 2014 cho thấy: ranh giới thửa số 210, tờ bản đồ 18 nằm trên hai thửa đất số 302 và 334, tờ bản đồ 11 và một phần khác nằm trên đường X.

[4] Tại kết quả đo đất ở của hộ ông Nguyễn Văn D1 (chồng bà H) ngày 09-7-2010 do các Cơ quan có thẩm quyền đo vẽ thể hiện: phần quán của ông Nguyễn Văn D1 lấn sang đất của hộ ông Nguyễn Văn D1 được giao theo Quyết định số 89QĐ/UB ngày 16-01-1998 diện tích 1,3m² đất.

Như vậy, thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, diện tích 117m² tọa lạc tại thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Nguyễn Văn D1 theo Quyết định giao đất số 89QĐ/UB ngày 16-01-1998. Quá trình quản lý, sử dụng đất, thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, diện tích 117m² đã được chỉnh lý thành thửa đất số 302, tờ bản đồ số 11, diện tích 118,2m² và có chồng lấn lên thửa đất số 334, cùng tờ bản đồ số 11 và một phần diện tích nằm trên đường X đường Q. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm và Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để xem xét thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, diện tích 117m² có được chỉnh lý thay đổi thành thửa đất, tờ bản đồ, diện tích và chồng lấn sang thửa đất khác hay không? nhưng Tòa án cấp phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm lại chỉ căn cứ vào Quyết định giao đất số 89QĐ/UB ngày 16-01-1998 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình để giao đất cho bà H là chưa đủ căn cứ.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Bản thân người được cấp đất là ông D1 khi còn sống và sau khi ông D1 chết những người thân của ông D1 cũng không liên hệ với Ủy ban nhân dân xã L để tiến hành các thủ tục giao đất trên thực địa, quản lý diện tích đất, làm thủ tục địa chính đối với đất được cấp, nên hồ sơ địa chính, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lưu tại xã L không có tên ông D1.... Đối với ông Nguyễn Văn Đ1 (chết năm 2008) có đơn xin cấp đất là nhà ở, Ủy ban nhân dân xã L trong quá trình quản lý, quy hoạch về đất đai tại địa phương đã quy hoạch và cấp lô đất này cho ông Đ1 từ năm 1999 có thu tiền sử dụng đất 8.000.000 đồng nộp vào ngân sách xã. Từ năm 1999, ông Đ1 là người trực tiếp sử dụng, quá trình sử dụng đã tu bổ, tôn tạo, đắp đất, xây kè, làm nhà, quán để sinh sống; hàng năm nộp thuế đất đầy đủ theo quy định và không có tranh chấp gì. Sau khi ông Đ1 chết, lô đất do ông M và

tiến hành các thủ tục của người được cấp đất theo quy định của pháp luật đất đai thời kỳ đó, không liên hệ với Ủy ban nhân dân xã L để giao nhận đất trên thực

địa, không quản lý, sử dụng đất nên hồ sơ địa chính, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lưu tại xã L không có tên ông D1. Vì gia đình ông D1 không đăng ký, kê khai, không quản lý, sử dụng đất nên năm 1999, ông Nguyễn Văn Đ1 (chết năm 2008) có đơn xin cấp đất để làm nhà ở, Ủy ban nhân dân xã L đã cân đối cấp thửa đất nêu trên cho ông Đ1 có thu tiền 8.000.000 đồng sử dụng đất nộp vào ngân sách xã. Sau khi nhận đất, ông Đ1 tu bổ, tôn tạo làm nhà ở từ đó cho đến nay không có ai tranh chấp. Quá trình quản lý, sử dụng đất gia đình ông Đ1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, nộp tiền sử dụng đất hàng năm từ đó quyết định không chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, đồng thời công nhận thửa đất nêu trên cho bị đơn là không có căn cứ, vì Ủy ban nhân dân xã L không có thẩm quyền cấp đất cho ông Nguyễn Văn Đ1.

[6] Tòa án cấp phúc thẩm xác định thửa đất số 210, tờ bản đồ số 18, diện tích 117m² đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Nguyễn Văn D1 theo Quyết định giao đất số 89QĐ/UB ngày 16-01-1998 là đúng. Tuy nhiên, như đã phân tích nêu trên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phúc thẩm cũng không xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định thửa đất nêu trên đã được chỉnh lý thay đổi và có chồng lấn lên thửa đất khác hay không mà lại căn cứ vào Quyết định giao đất số 89QĐ/UB ngày 16-01-1998 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình để công nhận thửa đất nêu trên là tài sản thuộc quyền sử dụng của ông D1, bà H đã gây khó khăn cho việc thi hành án. Vì vậy cần phải hủy cả bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm nêu trên để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm thấy cần chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 23-12-2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 11-9-2023 của Tòa án nhân huyện L, tỉnh Quảng Bình để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343 và Điều 345, Điều 348, Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 23-12-2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2024/DS-PT ngày 04-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 11-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- TANDTC – Vụ giám đốc kiểm tra về dân sự;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Vụ GĐT-TT và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường

